

Đề thi môn Tiếng Việt lớp 2 học kỳ 1 2021 - Đề số 1

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- Cho học sinh bốc thăm một trong các đoạn văn giáo viên đã chuẩn bị sẵn không có trong sách giáo khoa dài khoảng 60 - 70 chữ và đọc thành tiếng (6 điểm), trả lời một câu hỏi trong đoạn đọc đó (1 điểm).

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

MÌNH BẠN HỌC

Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị bài thì một bạn rủ đi bắn chim vì cậu ta vừa được bố mua cho một khẩu súng mới.

Khẩu súng mới, điều đó thật hấp dẫn! Nghe bạn nói, Vô-lô-đi-a đứng dậy, mở toang cửa sổ, ló đầu ra ngoài và hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng. Nhưng rồi Vô-lô-đi-a trả lời bạn vẻ luyến tiếc:

- Mình bận học rồi, không đi được.

Theo Văn học Nga

Dựa vào nội dung bài đọc khoanh tròn vào chữ cái trước ý đúng hoặc trả lời các câu hỏi:

Câu 1: (0,5 điểm) Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị học bài thì được bạn rủ đi đâu?

- A. Đi bắn chim.
- B. Đi học nhóm.
- C. Đi chơi đá bóng.

Câu 2: (0,5 điểm) Khi nghe bạn kể về khẩu súng mới, Vô-lô-đi-a đã làm gì?

- A. Chạy xuống cùng bạn khám phá khẩu súng mới.
- B. Ló đầu ra ngoài cửa sổ hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng.
- C. Mở cửa sổ ra và nhảy xuống cùng bạn để kiểm tra khẩu súng.

Câu 3: (0,5 điểm) Sau khi hỏi tỉ mỉ về khẩu súng, Vô-lô-đi-a đã làm gì?

A. Đi bắn chim với bạn.

B. Vào nhà quét nhà.

C. Ở nhà học bài.

Câu 4: (0,5 điểm) Tại sao Vô-lô-đi-a lại không đi bắn chim cùng bạn ?

.....
.....
.....
.....

Câu 5: (1 điểm) Trong câu: "Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị bài thì một bạn rủ đi bắn chim vì cậu ta vừa được bố mua cho một khẩu súng mới." Những tiếng nào có chứa nguyên âm đôi ?

.....
.....
.....
.....

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả: (7 điểm)

Đàn gà con

Những chú gà con trông thật đáng yêu. Mình các chú vàng óng như một cuộn tơ, hai mắt đen láy, nhỏ tí xíu như hai hạt đậu.

2. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ chấm: (2 điểm)

a. **anh** hoặc **oanh**:



L.....quanh



bức tr.....

b. **ng** hoặc **ng**h:



bắpô



.....é con

2. Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống: (1 điểm)

a. Lũy xanh mát. (che/tre)

b. Hôm nay là ngày nhật của bé. (sinh/xinh)

Đáp án đề thi cuối kì 2 lớp 1 môn Tiếng Việt (Đề số 1)

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi:

- GV cho HS bốc thăm và kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS.
- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc 1 điểm
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu 2 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ (không đọc sai quá 05 tiếng): 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (khoảng 50 chữ/1 phút): 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập:

Câu 1: A. Đi bắn chim.

Câu 2: B. Ló đầu ra ngoài cửa sổ hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng.

Câu 3: C. Ở nhà học bài.

Câu 4: - Tại vì Vô-lô-đi-a còn phải bận học bài.

Câu 5: - vừa, được, mua

B. Kiểm tra viết**1. Viết chính tả:**

- GV đọc cho HS cả lớp nghe – viết đoạn văn “Đàn gà con.”
- Viết đúng kiểu chữ cái kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ.
- Viết đúng các từ ngữ.
- Tốc độ khoảng 30 chữ / 15 phút
- Tốc độ đạt yêu cầu: 2 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi) : 2 điểm

- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp : 1 điểm

2. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ trống:

a. **anh** hoặc **uanh**: mỗi ý đúng được 0,5 điểm

loanh quanh bức tranh

b. **ng** hoặc **ng**: mỗi ý đúng được 0,5 điểm

bấp ngô ghé con

2. Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. Lũy tre xanh mát.

b. Hôm nay là ngày sinh nhật của bé.

Đề thi môn Tiếng Việt lớp 1 học kỳ 2 năm 2021 - Đề số 2

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- Cho học sinh bốc thăm một trong các đoạn văn giáo viên đã chuẩn bị sẵn không có trong sách giáo khoa dài khoảng 60 - 70 chữ và đọc thành tiếng (6 điểm), trả lời một câu hỏi trong đoạn đọc đó (1 điểm).

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

Chú gà trống ưa dậy sớm

Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.

Trong bếp, bác mèo mướp vẫn nằm lì bên đống tro ấm. Bác lim dim đôi mắt, luôn miệng gừ gừ kêu: “Rét! Rét!”

Thế nhưng, mới sớm tinh mơ, chú gà trống đã chạy tót ra giữa sân.

Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt, vỗ cánh phành phạch, rồi gáy vang: “Ò ... ó ... o ... o ...”

Theo sách Tiếng Việt lớp 2 cũ

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm bài tập:

Câu 1: (0,5 điểm) Bác mèo mướp nằm ngủ ở đâu?

- A. Bên đồng tro ấm B. Trong bếp
C. Trong sân D. Ngoài vườn

Câu 2: (0,5 điểm) Mới sớm tinh mơ, con gì đã chạy tót ra giữa sân?

- A. Mèo mướp B. Chú gà trống
C. Chị gà mái D. Chó xù

Câu 3: (0,5 điểm) Chú gà trống chạy tót ra giữa sân để làm gì?

- A. Tắm nắng B. Nhảy múa
C. Tìm thức ăn D. Gáy vang: Ò...ó...o... o...!

Câu 4: (0,5 điểm) Ý nào diễn tả đôi mắt của bác mèo mướp

- A. Tròn xoe như hai viên bi B. Lim dim đôi mắt
C. Đôi mắt sáng long lanh D. Đôi mắt sáng rực lên

Câu 5: (1 điểm) Em hãy viết 1 câu tả đôi cánh chú gà trống.

.....
.....

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Viết chính tả (7 điểm)

Hoa mai vàng

Nhà bác Khải thật lắm hoa, có vài trăm thứ, rải rác khắp cả khu đất. Các cánh hoa dài ngắn, đủ sắc xanh đỏ trắng vàng, đủ hình đủ dạng.

Mai thích hoa nhài, hoa mai, nhất là hoa mai vàng.

II. Bài tập (3 điểm)

Câu 1: Điền vào chỗ trống: (0,5 điểm)

a) Điền g hay gh: ... à gô ... ế gồ

b) Điền s hay x: hoa ... en quả ... oài

Câu 2: Nói theo mẫu : (1 điểm).

Rửa tay sạch

học môn Tiếng Việt.

Bé rất thích

bán hoa.

Mẹ đi chợ

chưa chín.

Quả gấc

trước khi ăn cơm.

Câu 3: Điền oang hay oăng: (0,5 điểm).

vết dầu l.....

Câu 4: Hãy kể tên các bộ phận của con gà trống? (1 điểm)

.....
.....
.....
.....

Đáp án đề thi học kì 2 Tiếng Việt lớp 1 2021 (Đề số 2)

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi:

GV cho HS bốc thăm và kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS.

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc 1 điểm

- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm

- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu 2 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ (không đọc sai quá 05 tiếng): 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (khoảng 50 chữ/1 phút): 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thêm và làm bài tập:

Câu 1: A. Bên đông tro ấm

Câu 2: B. Chú gà trống

Câu 3: D. Gáy vang: Ò...ó...o... o...!

Câu 4: B. Lim dim đôi mắt

Câu 5: – Chú gà trống rất đẹp./Con gà trống có bộ lông màu tía.

(Nếu cuối câu không có dấu chấm thì trừ 0,25 điểm)

B. Kiểm tra viết

1. Viết chính tả:

- GV đọc cho HS cả lớp nghe – viết đoạn văn “Hoa mai vàng”
- Viết đúng kiểu chữ cái kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ.
- Viết đúng các từ ngữ.
- Tốc độ khoảng 30 chữ /15 phút
- Tốc độ đạt yêu cầu: 2 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp: 1 điểm

2. Bài tập

Câu 1: Điền vào chỗ trống:

a) Điền **g** hay **gh**: gà gô ghé gổ

b) Điền **s** hay **x**: hoa sen quả xoài

Câu 2: Nói theo mẫu :

Rửa tay sạch trước khi ăn cơm.

Bé rất thích học môn Tiếng Việt.

Mẹ đi chợ bán hoa.

Quả gấc chưa chín.

Câu 3: Điền oang hay oăng:

vết dầu loang